Market Highlight

01 July 2014

HOSE 01/07/2014

VNINDEX	578.07	-0.06	-0.01%

KLGD	104,403,768	CP
GTGD	1,552.43	Tỷ
GTR NDTNN	0.00	Tỷ
CP Tăng giá	119	CP
CP Giảm giá	80	CP
CP Đứng giá	105	CP

HNX 01/7/2014

HNXINDEX	78.08	0.14	0.19%

KLGD	44,788,068	CP
GTGD	505.82	Tỷ
GTR NDTNN	0.00	Tỷ
CP Tăng giá	77	CP
CP Giảm giá	81	CP
CP Đứng giá	221	CP

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	617.96	2.90	0.47%
HNX30	158.20	0.72	0.46%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Hai sàn đuối dần khi lực bán gia tăng về cuối phiên**
- **Thanh khoản gia tăng khá tốt trong phiên hôm nay**
  Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng
- **Tăng trưởng tín dụng đạt 2.3% trong 6 tháng đầu năm**
  Được biết, mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm 2014 là khoảng 12%
  Chính Phủ
- **PMI sản xuất Việt Nam đạt trên 50 điểm tháng thứ 10 liên tiếp**
  Theo đó, PMI tháng 6 của Việt Nam là 52.3 điiểm
  DVO/HSBC
- **Nợ xấu hệ thống ngân hàng lại vượt 4%**
  Tính đến tháng 4, tỷ lệ nợ xấu đã đạt 4.03%, tăng so với tỷ lệ 3.74% ghi nhận tháng 1
  DVO
- **VHC: 6 tháng xuất khẩu đạt 98 triệu USD, bằng 45% kế hoạch năm**
  Quý 2, giá trị xuất khẩu của VHC đạt 54.5 triệu USD, tăng 25% so với quý 1/2014
  Công Lý
- **RIC: Năm 2014, kế hoạch lợi nhuận 21 tỷ đồng**
  Được biết, năm 2013, RIC lỗ ròng 10.2 tỷ đồng
  Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,022,969	13.9	3.1	20.8%	11.1%
HNX	125,273	17.5	1.5	7.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	**1,148,242**	**15.8**	**3.0**	**19.6%**	**10.4%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,990	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,351	6.9	1.4	20.8%	15.2%
Thép và sản phẩm thép	37,066	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,972	52.2	5.0	2.0%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,348	17.0	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	28,460	- 40.0	1.1	-4.1%	1.6%
Máy công nghiệp	8,041	6.2	1.3	21.2%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,071	13.9	1.3	14.2%	10.8%
Lốp xe	7,239	8.8	2.4	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,798	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	196,710	22.5	4.6	21.5%	16.6%
Dược phẩm	15,219	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,398	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,729	- 5.5	1.2	-6.5%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,476	18.3	5.9	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	25,059	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	246,984	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản	130,720	11.1	2.3	27.3%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,595	9.8	1.9	20.5%	8.4%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin kinh tế

Tăng trưởng tín dụng đạt 2.3% trong 6 tháng đầu năm

Tại Hội thảo Diễn biến giá cả, thị trường ở Việt Nam 6 tháng đầu năm và dự báo cả năm 2014 ngày 30/6 tại Hà Nội, ông Phạm Xuân Hòe - Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ cho biết, tính tới cuối tháng 6/2014, tăng trưởng tín dụng mới đạt 2.3% so với 5 tháng đầu năm 2014, tín dụng trong tháng 6 tăng thêm khoảng 1%. Tính tới ngày 25/6, tổng phương tiện thanh toán (M2) và huy động vốn tăng 6%. Đáng chú ý, tín dụng ngoại tệ cũng tăng nhẹ và chỉ số tín dụng trung-dài hạn tăng trên 4%. Tuy nhiên, 87%-90% dòng tiền của các NHTM đổ vào Trái phiếu CP và Tín phiếu Kho bạc.

PMI sản xuất Việt Nam đạt trên 50 điểm tháng thứ 10 liên tiếp

Ngân hàng HSBC vừa ra thông cáo đánh giá tình hình sản xuất của một số nền kinh tế trên thế giới thông qua Chỉ số Quản trị mua hàng (PMI). Theo đó, PMI tháng 6 của Việt Nam là 52.3 điiểm, giảm nhẹ so với mức 52.5 trong tháng 5, đánh dấu tháng thứ 10 liên tiếp trên ngưỡng tăng trưởng 50 điểm. Số đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ 7 liên tiếp, tuy nhiên, tốc độ đơn hàng xuất khẩu giảm nhẹ tháng vừa qua. Theo HSBC, ngành sản xuất của Việt Nam tiếp tục các dấu hiệu chuyển biến tích cực mặc dù tốc độ tăng trưởng sản lượng và số đơn đặt hàng mới giảm. Theo các chuyên gia, số đơn đặt hàng mới tăng dẫn đến sản xuất của doanh nghiệp được đẩy mạnh bất chấp các cuộc vụ đập phá hồi tháng 5 vào các nhà máy Trung Quốc khiến tốc độ tăng chậm lại.

Nợ xấu hệ thống ngân hàng lại vượt 4%

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng từ đầu năm đến nay liên tục tăng. Tính đến tháng 4, tỷ lệ nợ xấu đã đạt 4.03%, tăng so với tỷ lệ 3.74% ghi nhận tháng 1. Sau 4 tháng giữ ở mức dưới 4%, tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tháng 4/2014 lại vượt 4%. Năm ngoái, tỷ lệ nợ xấu cao nhất được NHNN ghi nhận là 4.73% vào tháng 10. Tháng 12 năm ngoái, tỷ lệ nợ xấu đã giảm mạnh xuống 3.61% từ mức trên 4% trong suốt cả năm 2014, một phần được xem là nhờ có những biện pháp tích cực xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng cũng như hoạt động của Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng VAMC.

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin doanh nghiệp

VHC: 6 tháng xuất khẩu đạt 98 triệu USD, bằng 45% kế hoạch năm

CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) vừa cho biết, trong quý 2, giá trị xuất khẩu đạt 54.5 triệu USD, tăng 25% so với quý 1/2014 và 13% so với quý 2/2013. Lũy kế 6 tháng, VHC xuất khẩu được 98 triệu USD, hoàn thành 45% kế hoạch năm (220 triệu USD). Được biết, vào ngày 27/06 vừa qua, Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản toàn cầu (ASC) đã trao chứng nhận sản phẩm cho trang trại Tân Thuận Tây của VHC (11ha), nâng số lượng trang trại đạt chuẩn ASC của VHC lên con số 3. Giấy chứng nhận ASC cho thấy trách nhiệm của nhà cung cấp đối với người sử dụng, môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Cũng theo VHC, vào quý 1/2015 sẽ tung ra các sản phẩm về Collagen và Gelatin với công suất hàng năm 1,000 tấn thủy phân Collagen và 1,000 tấn Gelatin.

RIC: Năm 2014, kế hoạch lợi nhuận 21 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (HOSE: RIC) vừa công bố biên bản và nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014. Năm 2013, RIC lỗ ròng 10.2 tỷ đồng, giảm số lợi nhuận chưa phân phối tính đến cuối năm còn 35.7 tỷ đồng. Kế hoạch kinh doanh 2014 được ĐHCĐ RIC thông qua với chỉ tiêu Tổng doanh thu 357.6 tỷ đồng và LNST 21 tỷ đồng (tương đương 1 triệu USD). ĐHCĐ đã thông qua phương án vay vốn ngân hàng để đầu tư cải tạo, nâng cấp khu biệt thự và xây dựng, cải tạo khu công viên ven biển. Năm 2013 là năm đánh dấu sự kiện quan trọng của công ty với việc hoàn thiện và đưa khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao Royal Halong Hotel vào hoạt động và chính thức kinh doanh từ tháng 1/2014. Ngày 24/6/2014 Tổng cục du lịch đã công nhận Khách sạn Royal Halong Hotel đạt tiêu chuẩn 5 sao trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

MIM: Quý 2/2014 dự kiến có lãi sau 5 quý lỗ liên tiếp

Theo nghị quyết HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch kinh doanh quý 3/2014 của CTCP Khoáng sản và Cơ khí (HNX: MIM), doanh thu 6 tháng của công ty đạt 41.5 tỷ đồng, tăng 9.5% cùng kỳ và bằng 40.4% kế hoạch năm; trong đó 97% doanh thu được đến từ sản xuất công nghiệp hơn 40.11 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế quý 2/2014 ước đạt 20 triệu đồng. Đây là một con số khiêm tốn tuy nhiên lại là tín hiệu tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bởi MIM đã lỗ liên tiếp 5 quý trước đó. Được biết, tại ĐHĐCĐ năm 2014 MIM lên kế hoạch đạt 102.73 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận đạt 450 triệu đồng.

Market Highlight

VietinBankSc

HOSE	01/07/2014	VNINDEX	578.07	-0.06	-0.01%	104,403,768 CP	1,552.43 bil VND

Hai sàn đuối dần khi lực bán gia tăng về cuối phiên

VN-Index giảm 0.06 điểm (-0.01%), đóng cửa tại mức 578.07 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của thị trường.

- MACD tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.
- Stochastic Oscillator sụt giảm và cho tín hiệu bán.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 62.

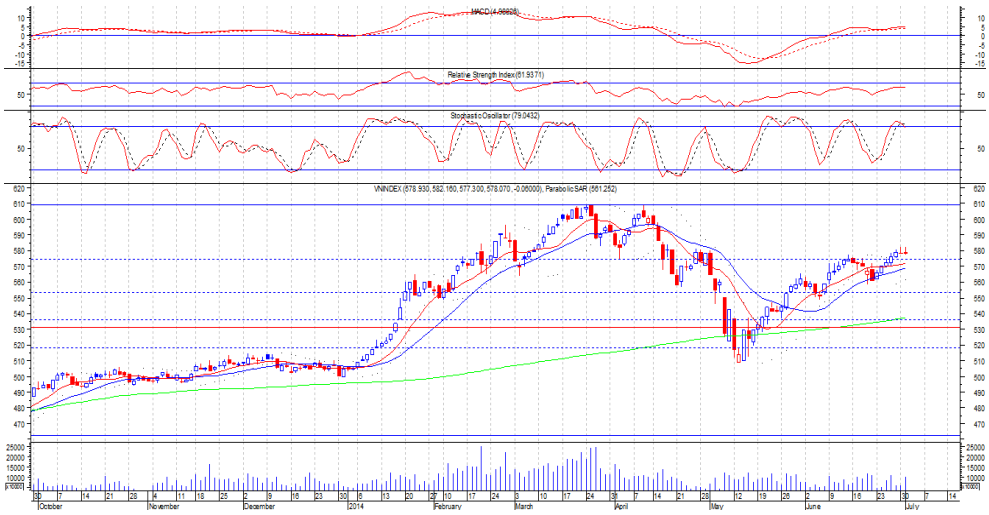

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	19,208,900
ITA	0.1 (1.3%)	4,809,420
AGR	0.4 (5.7%)	4,345,260
SSI	0.5 (1.9%)	4,277,160
AVF	0.3 (6.1%)	3,911,160

HOSE Top 5 theo % tăng

NVN	0.2 (6.9%)	11,190
HDC	1.5 (6.7%)	860
GTA	0.7 (6.6%)	200
TNT	0.2 (6.5%)	118,640
AVF	0.3 (6.1%)	3,911,160

HOSE Top 5 theo % giảm

VCF	-12 (-6.7%)	160
VNG	-0.7 (-6.5%)	210
CLW	-1.1 (-6.4%)	1,460
STG	-1.5 (-6.3%)	330
STT	-0.2 (-6.3%)	1,440

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DRC	19,8	tỷ	386,670
GMD	9,3	tỷ	283,590
HT1	7,7	tỷ	536,670
VIC	5,7	tỷ	87,720
STB	5,1	tỷ	250,300

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-9,7	tỷ	179,010
HAG	-8,6	tỷ	351,680
SSI	-4,7	tỷ	178,100
EIB	-3,6	tỷ	275,410
VSH	-3,4	tỷ	220,440

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,166,376	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- Thị trường tăng điểm tích cực gần như cả phiên giao dịch, đà tăng lan rộng. Dòng tiền gia tăng tích cực, tuy vậy lực tăng lại đuối dần về cuối phiên khi lực bán gia tăng.
- KLGD gia tăng và đạt 101 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng khá tốt, nhưng nhìn chung tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá thận trọng.
- Khối ngoại mua ròng 31 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc thanh khoản chưa có sự động thuận với sự gia tăng của chỉ số là một điều khiến chúng tôi hơi lo ngại.
- NĐT có thể cân nhắc chốt lời, việc mua mới và mua thêm chỉ nên thực hiện khi thanh khoản tiếp tục gia tăng. NĐT vẫn nên hạn chế dùng margin giai đoạn này.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	18.9	6.0	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.0	69,290.77	15.9	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	91.5	67,244.39	202.8	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	7.6	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.1	42,449.16	9.3	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	41.3	28,103.47	22.8	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	10.9	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.5	23,421.49	10.8	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.2	3,121.49	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.7	16,059.86	10.0	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	19.2	2,166.94	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.7	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.0	729.00	5.5	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.1	527.35	1.9	0.8	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	01/07/2014	HNX-Index	78.08	0.14	0.19%	44,788,068 CP	505.82 bil. VND

Hai sàn đuối dần khi lực bán gia tăng về cuối phiên

Chỉ số HNX-Index tăng 0.14 điểm (+0.19%), đóng cửa tại mốc 78.08 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, chỉ số này tiếp tục tăng điểm nhẹ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng và bắt đầu cắt lên đường zero - base.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 59.
- HNX-Index tích lũy khá tốt ở vùng Fb 50% và MA20. Kỳ vọng chỉ số này sẽ hướng tới vùng kháng cự 80 điểm.

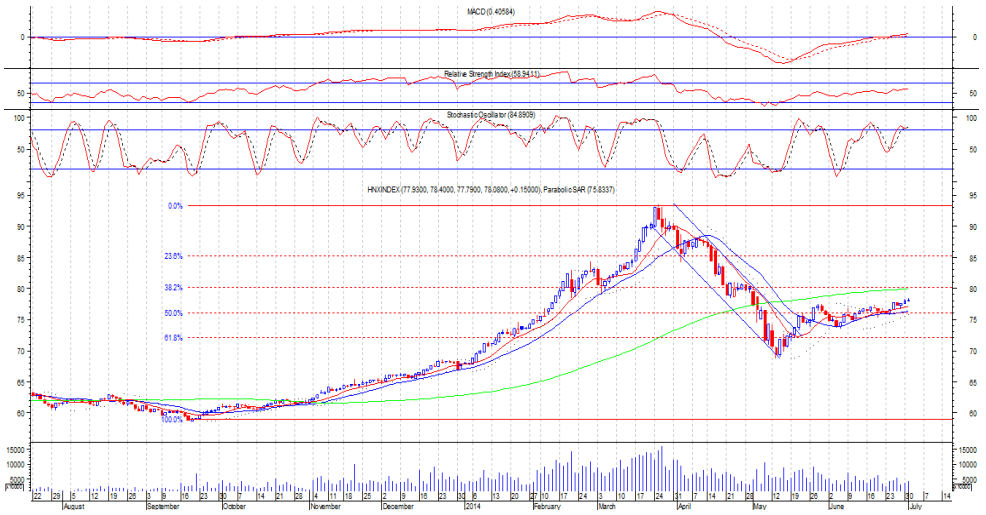

HNX Top 5 theo KLGD

KLS	0 (0.0%)	5,073,220
SCR	0.1 (1.2%)	4,884,130
PVX	0.1 (2.4%)	3,951,920
SHB	0 (0.0%)	3,417,550
KLF	0 (0.0%)	3,236,290

HNX Top 5 theo % tăng

DNC	1 (10.0%)	100
NHA	0.4 (10.0%)	100
GMX	1.2 (9.9%)	200
INN	2.6 (9.8%)	145,520
DPC	1.2 (9.8%)	2,600

HNX Top 5 theo % giảm

TH1	-3.2 (-9.9%)	100
QST	-1.5 (-9.5%)	100
ECI	-1.8 (-9.4%)	200
TPH	-0.7 (-9.3%)	100
LM3	-0.3 (-9.1%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	12,5	tỷ	424,700
VCG	0,7	tỷ	51,500
SHB	0,4	tỷ	41,300
NLC	0,2	tỷ	8,500
SNG	0,2	tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

KLS	-6,2	tỷ	497,800
PVC	-1,9	tỷ	105,800
VND	-0,8	tỷ	51,000
LAS	-0,7	tỷ	21,200
INN	-0,1	tỷ	4,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	712,000	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- Thị trường tăng điểm tích cực gần như cả phiên giao dịch, đà tăng lan rộng. Dòng tiền gia tăng tích cực, tuy vậy lực tăng lại đuối dần về cuối phiên khi lực bán gia tăng.
- KLGD gia tăng và đạt 43 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng khá tốt, nhưng nhìn chung tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá thận trọng.
- Khối ngoại mua ròng 5 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc thanh khoản chưa có sự động thuận với sự gia tăng của chỉ số là một điều khiến chúng tôi hơi lo ngại.
- NĐT có thể cân nhắc chốt lời, việc mua mới và mua thêm chỉ nên thực hiện khi thanh khoản tiếp tục gia tăng. NĐT vẫn nên hạn chế dùng margin giai đoạn này.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.5	13,177.66	8.6	1.5	19.3%	6.2%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	10.2	0.8	7.9%	0.7%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	- 264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
VCG	441.7	13.2	5,830.58	13.0	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	20.0	4,508.28	16.0	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
LAS	77.8	34.5	2,685.20	6.1	1.9	33.5%	17.5%
KLS	182.3	12.2	2,223.45	12.8	0.9	7.1%	6.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.4	1,193.20	7.5	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.1	358.38	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.6	1,609.15	10.8	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	17.9	895.00	10.6	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.0	291.37	5.9	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	15.35%	91.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.74%	54.0	10.89	2.50	708,888	534,187	655,734
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.72	2.22	461,383	321,878	368,725
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	8.01%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	7.98%	24.5	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	6.11%	26.0	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.13%	20.5	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	3.08%	41.3	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	2.71%	8.1	102.44	0.74	5,213,312	4,558,241	6,400,724
HSG	HOSE	96.3	4,247.41	2.68%	44.1	10.73	1.90	106,230	91,333	154,158
GMD	HOSE	114.4	3,867.45	2.26%	33.8	126.15	0.86	248,661	229,705	287,490
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	2.03%	20.4	7.14	1.16	252,475	208,066	474,650
VSH	HOSE	206.2	3,196.74	1.74%	15.5	15.55	1.25	298,113	214,820	440,326
CSM	HOSE	67.3	2,839.72	1.64%	42.2	7.43	2.12	364,425	333,339	378,337
KBC	HOSE	389.8	4,287.36	1.48%	11.0	26.03	0.88	1,266,573	985,970	902,913
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.33%	52.0	10.54	2.75	239,373	163,669	242,511
PVT	HOSE	255.9	3,121.49	1.18%	12.2	12.92	1.09	1,694,186	1,056,743	894,010
DIG	HOSE	143.0	2,259.33	1.01%	15.8	42.44	0.95	122,799	194,087	352,398
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	0.91%	10.8	47.68	1.01	1,474,529	1,340,000	2,072,325
PET	HOSE	69.8	1,236.20	0.87%	17.7	7.87	0.94	1,377,760	962,586	657,038

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,177.66	5.37%	29.5	8.55	1.52	2,376,230	1,821,092	2,105,629
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	7.00%	26.0	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	6.50%	41.3	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.79%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.26%	20.5	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.72	2.22	461,383	321,878	368,725
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.73%	8.1	102.44	0.74	5,213,312	4,558,241	6,400,724
SHB	HNX	886.1	8,595.01	2.86%	9.7	10.20	0.78	4,387,240	3,980,746	6,480,850
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	1.58%	20.4	7.14	1.16	252,475	208,066	474,650
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	2.33%	10.8	47.68	1.01	1,474,529	1,340,000	2,072,325
GMD	HOSE	114.4	3,867.45	1.62%	33.8	126.15	0.86	248,661	229,705	287,490
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	8.00%	91.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	2.83%	24.5	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.28%	52.0	10.54	2.75	239,373	163,669	242,511
VCG	HNX	441.7	5,830.58	3.58%	13.2	12.97	1.04	1,204,683	1,403,186	1,888,160
PVT	HOSE	255.9	3,121.49	2.05%	12.2	12.92	1.09	1,694,186	1,056,743	894,010

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.00%	91.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	0.00%	24.5	14.37	1.32	2,394,605	2,287,635	2,932,035
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	0.00%	26.0	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.00%	20.5	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.00%	41.3	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.58	0.98	237,823	231,564	479,264
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	18.87	5.98	321,807	353,677	452,302

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.81%	91.5	202.80	4.55	207,639	146,204	167,955
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	7.64	3.65	298,465	217,006	441,592
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.26%	32.3	6.50	1.41	1,057,427	921,215	1,473,836
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	0.20%	26.0	15.91	1.59	843,319	570,355	664,556
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.14%	20.5	10.75	1.42	4,283,285	2,879,621	1,564,207
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.10%	41.3	22.81	2.24	229,968	210,244	388,147

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

01 July 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,990	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,351	6.9	1.4	20.8%	15.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,700	22.0	0.7	2.9%	1.8%
Sản xuất giấy	773	7.9	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,066	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,629	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,972	52.2	5.0	2.0%	1.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,348	17.0	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	28,460	- 40.0	1.1	-4.1%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,042	7.0	1.1	17.2%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	762	3.9	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,704	9.7	0.9	7.7%	3.8%
Thiết bị điện	1,708	- 18.2	0.8	-0.3%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,041	6.2	1.3	21.2%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,186	- 2.6	0.8	2.3%	0.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,071	13.9	1.3	14.2%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,628	8.3	1.4	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,440	10.4	1.4	13.7%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	199	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.9	10.7%	4.8%
Chất thải & Môi trường	146	2.2	0.7	34.2%	17.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,713	9.7	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	7,239	8.8	2.4	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,779	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	375	13.9	2.3	18.9%	11.7%
Đồ uống & giải khát	264	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,798	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	196,710	22.5	4.6	21.5%	16.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,101	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	147	8.2	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,086	8.5	1.5	17.9%	7.0%
Giầy dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,780	8.7	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	- 8.4	1.1	-0.1%	4.2%

Market Highlight

VietinBankSc

01 July 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	852	15.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	136	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	169	8.0	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,219	11.9	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	373	48.9	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	735	13.1	1.1	12.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,142	8.6	1.3	14.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,027	8.2	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	195	8.5	3.7	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,648	35.4	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,146	27.0	1.4	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,233	10.9	2.2	16.7%	14.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	532	21.1	0.7	3.1%	1.2%
Internet	289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,398	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	422	15.1	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	265	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,084	14.1	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,729	- 5.5	1.2	-6.5%	3.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,476	18.3	5.9	33.0%	22.1%
Nước	1,154	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,208	5.4	0.8	14.8%	4.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,587	12.5	0.7	5.8%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,864	8.1	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	25,059	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,984	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	130,720	11.1	2.3	27.3%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	7	12.4	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,595	9.8	1.9	20.5%	8.4%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.